| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 1092/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 9 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Minh Tuân

Bà Phan Thị Thúy Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 569/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1972
Thường trú: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Cư trú: đường M, Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
- *Bị đơn:* Bà Mai Thị Tú T1, sinh năm 1973
Thường trú: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Cư trú tại: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T có mặt, bà T1 vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là ông Nguyễn Công T trình bày: Ông và bà T1 tự nguyện chung sống năm 2000, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số: 102/2000, Quyển số: 01/P3, cấp ngày 02/11/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông T chung sống tại địa chỉ: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống,

bà T1 thường xuyên ghen tuông vô cớ làm cho cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, không hạnh phúc. Hiện tại, cả hai không còn sống chung. Ông nhận thấy không còn tình cảm với bà T1 nên yêu cầu được ly hôn với bà T1.

Tại bản tự khai ngày 21/6/2017 và lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn là bà Mai Thị Tú T1 trình bày: Bà xác nhận thời gian kết hôn, chung sống đúng như ông T đã trình bày. Theo bà mâu thuẫn phát sinh do ông T có mối quan hệ khác bên ngoài tuy nhiên bà không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án, mặt khác ông T không quan tâm đến vợ con nên hai bên không có sự tin tưởng lẫn nhau, cả hai đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay ông T yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý vì bà là người theo đạo nên không được phép ly hôn, đồng thời bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm lo cho con chung.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Mai Ý N, sinh ngày 12/9/2001. Ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con. Bà T1 cũng đồng ý giao cháu N cho ông T trực tiếp nuôi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Công T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà T1.

Về con chung: Ông yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Mai Ý N, sinh ngày 12/9/2001 và không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

-Bị đơn là bà Mai Thị Tú T1 vắng mặt.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1 là hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Xét thấy, quá trình chung sống cả hai bên không có sự quan tâm, chia sẻ, không còn yêu thương, thông cảm với nhau, cả hai ly thân từ năm 2015 đến nay. Bà T1 không đồng ý ly hôn vì bà là người theo đạo chứ không phải xuất phát từ việc bà còn tình cảm với ông T nên yêu cầu ly hôn của ông T là có cơ sở. Về con chung: ông T yêu cầu trực tiếp nuôi cháu N, sinh ngày 12/9/2001 và không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con. Phía bà T1 cũng đồng ý với ý kiến của ông T và nguyện vọng của con chung muốn được sống với ông T khi cha mẹ ly hôn nên yêu cầu của ông T là có cơ sở. Về tài sản chung: Không có.Về nợ chung: Không

có. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Công T có đơn yêu cầu ly hôn với bà Mai Thị Tú T1, do bà T1 cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

[2] Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3]Bị đơn là bà Mai Thị Tú T1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa cho thấy: Ông T và bà T1 đăng ký kết hôn năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T1 là hợp pháp. Ông T cho rằng mâu thuẫn giữa hai bên phát sinh từ năm 2015 do bất đồng quan điểm sống, bà T1 thường xuyên ghen tuông vô cớ nên cuộc sống gia đình luôn căng thẳng. Phía bà T1 cũng xác nhận mâu thuẫn giữa hai bên phát sinh từ năm 2015 do ông T không quan tâm đến vợ con, có quan hệ với người phụ nữ khác nên mới yêu cầu ly hôn với bà nên bà không đồng ý ly hôn và bà là người theo đạo nên không được phép ly hôn, do vậy bà không đồng ý với ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy phía bà T1 cho rằng ông T có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng không có chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình, mặt khác bà T1 lấy lý do không đồng ý ly hôn là do bà theo đạo là không có cơ sở theo quy định của pháp luật, xét thấy ông T và bà T1 không còn quan tâm, chia sẻ, tôn trọng và yêu thương nhau, mâu thuẫn giữa đôi bên đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà T1.

[5]Về con chung: tại phiên tòa ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Mai Ý N, sinh ngày 12/9/2001, trong quá trình thu thập chứng cứ phía bà T1 cũng đồng ý với ý kiến của ông T và tại bản ghi nguyện vọng ngày 22/6/2017, cháu N có nguyện vọng muốn được ở với ông T khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu N cho ông T trực tiếp nuôi, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà T1 do ông T không yêu cầu.

[6]Về tài sản chung: Không có.

[7]Về nợ chung: Không có.

[8]Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông T phải nộp án phí 300.000 đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006321 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Công T và bà Mai Thị Tú T1.

2.Về con chung: Bà T1 có trách nhiệm giao con tên Nguyễn Mai Ý N, sinh ngày 12/9/2001 cho ông T trực tiếp nuôi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà T1 do ông T không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về tài sản chung: Không có.

4.Về nợ chung: Không có.

5.Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Công T nộp, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006321 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

6.Về quyền kháng cáo: ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bà T1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận***:
-Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
-Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
-Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
-Các đương sự;
-Ủy ban nhân dân phường B, quận C, TP.HCM (để ghi vào sổ hộ tịch): Giấy CNKH số: 102/2000, quyển số: 01/P3, cấp ngày 02/11/2000;
-Lưu :VT, hồ sơ vụ án;
.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Lan Hương**